

TỔ CHỨC CÁC NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP

1. Tổ chức sản xuất ngành trồng trọt	<ul style="list-style-type: none"> • Vai trò, đặc điểm của ngành • Nội dung tổ chức • Đánh giá hiệu quả kinh doanh ngành
2. Tổ chức SXKD ngành chăn nuôi	
3. Tổ chức SXKD ngành nghề và dịch vụ	

1. TỔ CHỨC SXKD NGÀNH TRỒNG TRỌT

1. Vai trò, đặc điểm sản xuất ngành trồng trọt và yêu cầu tổ chức sản xuất ngành trồng trọt
2. Nội dung tổ chức hệ thống trồng trọt hợp lý
3. Đánh giá hiệu quả kinh doanh ngành trồng trọt trong DNNN.

1.1. Vai trò, đặc điểm sản xuất ngành trồng trọt

1.1.1 Vai trò

- Cung cấp những nông sản thiết yếu như lương thực, thực phẩm;
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến...
- Hỗ trợ ngành chăn nuôi trong DN

1.1. Vai trò, đặc điểm sản xuất ngành trồng trọt

1.1.2 Đặc điểm:

- Đối tượng là cây trồng
- Tính thời vụ cao
- Ruộng đất là TLSX chủ yếu
- Chu kỳ sản xuất dài, thực hiện trên phạm vi không gian lớn của đồng ruộng.
- Diện tích còn hẹp và manh mún
- Chịu tác động của điều kiện khí hậu
- Ngành trồng trọt của nước ta chủ yếu còn lạc hậu, manh mún, chưa phát triển sản xuất hàng hoá

1.1. Vai trò, đặc điểm sản xuất ngành trồng trọt

1.1.3 Yêu cầu tổ chức ngành trồng trọt

- Sử dụng đầy đủ, hợp lý, có hiệu quả đất đai, bảo vệ và nâng cao độ phì của đất;
- Hạn chế tính thời vụ trong sản xuất, tạo điều kiện để sử dụng đầy đủ, có hiệu quả các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp.
- Sử dụng hợp lý tài nguyên tự nhiên
- Kết hợp phát triển sản xuất với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.
- Giữ vững vai trò và đặc điểm sản xuất ngành trồng trọt để tổ chức kinh doanh có hiệu quả.

1.2. Nội dung tổ chức hệ thống trồng trọt hợp lý

Khái niệm hệ thống trồng trọt hợp lý:

- Hệ thống trồng trọt hợp lý là tổng thể các biện pháp kinh tế, tổ chức và kỹ thuật tiến bộ để sử dụng đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả nguồn lực sản xuất nhằm tạo ra nhiều sản phẩm trên đơn vị diện tích, với chi phí ít nhất trên đơn vị sản phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao độ phì của đất.

1.2. Nội dung tổ chức hệ thống trồng trọt hợp lý

Nội dung tổ chức hệ thống trồng trọt hợp lý

- Xác định và thực hiện cơ cấu cây trồng hợp lý
- Xây dựng và thực hiện hệ thống luân canh cây trồng hợp lý.
- Xây dựng và thực hiện hệ thống canh tác hợp lý
- Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất
- Tổ chức quá trình lao động ngành trồng trọt

1.2.1 Xác định và thực hiện cơ cấu cây trồng hợp lý

- Khái niệm: cơ cấu cây trồng (cơ cấu diện tích gieo trồng) là tỉ lệ phần trăm diện tích từng loại cây trồng so với tổng diện tích cây trồng trong doanh nghiệp.
- Cơ cấu cây trồng hợp lý: là cơ cấu cây trồng cho $GO/\text{đvdt} \rightarrow \max$ và $ATC/\text{đvdt} \rightarrow \min$
- Căn cứ xây dựng cơ cấu cây trồng hợp lý:
 - Nhu cầu thị trường
 - Điều kiện tự nhiên, kinh tế của DN: đất đai, tiểu khí hậu; lao động và tập quán canh tác, công cụ và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp; đặc tính sinh vật học của từng loại cây

1.2.1 Xác định và thực hiện cơ cấu cây trồng hợp lý

Biện pháp xây dựng cơ cấu diện tích trồng trọt hợp lý:

- Xác định và thực hiện các mô hình trồng trọt hợp lý trong doanh nghiệp
- Điều chỉnh hợp lý cơ cấu cây trồng (nhất là cây ngắn ngày) theo nhu cầu của thị trường về sản phẩm, mức sinh lợi của sản phẩm, xu hướng và mức độ tác động của công nghiệp chế biến nông sản

1.2.2. Xây dựng và thực hiện hệ thống luân canh cây trồng hợp lý

- Khái niệm: luân canh cây trồng là sự luân phiên cây trồng theo không gian và thời gian trên một khu đất.
 - Luân canh theo thời gian: là sự thay đổi cây trồng theo thời gian trên cùng một mảnh đất.
 - Luân canh theo không gian: là sự thay đổi cây trồng trên các mảnh đất trong khu luân canh theo chu kỳ nhất định.
- Luân canh cây trồng hợp lý là sự thay đổi cây trồng theo những chu kỳ nhất định dựa trên cơ sở kỹ thuật cây trồng và cơ sở kinh tế để đạt doanh thu cao nhất.

1.2.2. Xây dựng và thực hiện hệ thống luân canh cây trồng hợp lý

Tác dụng của luân canh:

- Tạo điều kiện sử dụng đầy đủ và hợp lý đất đai, cải tạo và làm tăng năng suất cây trồng, năng suất đất đai.
- Giúp bố trí cây trồng theo hướng chuyên môn hoá và phối hợp các ngành
- Tạo điều kiện sử dụng đầy đủ, có kế hoạch sức lao động, tư liệu sản xuất và đồng vốn một cách hợp lý.
- Là cơ sở để định sản lượng khoán và quản lý kinh doanh đất đai hợp lý.
- Đảm bảo sản xuất hàng hoá theo nhu cầu của thị trường,
- Các cây trồng trong hệ thống luân canh hỗ trợ nhau

1.2.2. Xây dựng và thực hiện hệ thống luân canh cây trồng hợp lý

Nội dung xây dựng và thực hiện hệ thống luân canh cây trồng.

- Xác định công thức luân canh: tùy theo loại đất, bình độ đất, mức độ chủ động về tưới tiêu mà có thể bố trí các công thức luân canh: 2 lúa, 2 lúa - 1 màu, 1 lúa - 2 màu, chuyên màu
- Quy hoạch đất đai cho từng khu luân canh: Quy hoạch mặt bằng cả về không gian và thời gian cho từng khu hoặc thửa luân canh.
- Phân tích đánh giá hiệu quả của các công thức luân canh, dự kiến kết quả, đánh giá so với các năm trước. Dùng các chỉ tiêu: Sản phẩm/đvdt, Go/đvdt, mức độ tăng sản phẩm, mức lãi.

1.2.2. Xây dựng và thực hiện hệ thống luân canh cây trồng hợp lý

- Tổ chức thực hiện hệ thống luân canh:
 - Xây dựng kế hoạch sản xuất, chuẩn bị điều kiện thực hiện như: giống, vật tư, lịch gieo trồng, kế hoạch tưới tiêu cho từng loại cây trồng.
 - Chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng thời vụ và thực hiện đúng quy trình sản xuất từng loại cây trồng.

1.2.3. Xây dựng và thực hiện hệ thống canh tác hợp lý

Khái niệm:

- Hệ thống canh tác hợp lý bao gồm hệ thống các biện pháp kỹ thuật với tiêu chuẩn kinh tế và kỹ thuật cụ thể áp dụng phù hợp với đặc điểm sinh học và yêu cầu kỹ thuật của từng loại cây trồng.
- Hệ thống canh tác bao gồm các khâu: làm đất, giống cây trồng, tưới nước, bón phân, làm cỏ, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch sản phẩm; trong nhiều trường hợp còn bao gồm khâu trồng rừng phòng hộ.

1.2.3. Xây dựng và thực hiện hệ thống canh tác hợp lý

Căn cứ xác định các biện pháp kỹ thuật canh tác cụ thể ở các khâu:

- Yêu cầu về kinh tế và kỹ thuật đặt ra cho từng khâu canh tác.
- Đặc điểm sinh học và yêu cầu kỹ thuật của cây trồng.
- Điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có liên quan tới các khâu canh tác, bao gồm: điều kiện đất đai, khí hậu, thời tiết, công cụ lao động và cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn kinh doanh... .

1.2.4. Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất

Khái niệm:

- Quy trình sản xuất là toàn bộ các loại công việc từ đầu đến cuối của một quá trình sản xuất mỗi loại cây trồng trong điều kiện sản xuất và trình tự thời gian nhất định, với những tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật cụ thể nhằm đạt được số lượng và chất lượng sản phẩm.
 - Tiêu chuẩn kinh tế: là những quy định cụ thể về hao phí lao động, tư liệu sản xuất, tiền vốn và hiệu quả sản xuất.
 - Tiêu chuẩn kỹ thuật: là những quy định cụ thể về mặt kỹ thuật phải đảm bảo cho từng công việc cụ thể trong quá trình sản xuất.

1.2.4. Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất

Ý nghĩa của xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất

- Tạo điều kiện thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật trong hệ thống canh tác
- Chủ động chuẩn bị tư liệu sản xuất và sức lao động
- Tạo điều kiện để hạch toán kinh doanh đối với từng loại cây trồng...

Căn cứ xây dựng quy trình sản xuất trồng trọt:

- Dựa vào lý lịch giống cây trồng
- Công việc cụ thể của từng loại cây trồng trên từng xứ đồng khác nhau.
- Nguồn số liệu về sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động

1.2.4. Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất

Nội dung xây dựng quy trình sản xuất

- Xác định nội dung công việc phải cụ thể từ đầu đến cuối chu kỳ sản xuất
- Xác định công cụ lao động để thực hiện từng công việc.
- Xác định thời gian bắt đầu và kết thúc từng công việc.
- Xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật phải đảm bảo của từng công việc
- Xác định các chi phí về lao động, vật tư, sức kéo... cần thiết để hoàn thành từng công việc.

1.2.4. Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất

Các bước tổ chức xây dựng quy trình sản xuất trồng trọt

- Bước chuẩn bị: Xác định nguồn lực của DN, điều chỉnh các mức hao phí vật tư, kỹ thuật, nghiên cứu kinh nghiệm sản xuất;
- Dự thảo quy trình sản xuất: Bao gồm tổ chức các công việc của quá trình sản xuất ứng với sử dụng công cụ lao động, thời gian thực hiện, yêu cầu kỹ thuật, mức tiêu hao vật tư, kết quả đạt được...
- Ứng dụng thử quy trình sản xuất.
- Phân tích kết quả thử nghiệm, bổ sung, hoàn thiện quy trình sản xuất.

1.2.4. Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất

Tổ chức thực hiện quy trình sản xuất:

- Xây dựng lịch công việc trong từng thời kỳ trên cơ sở đó cân đối các khâu công việc, cân đối lao động với công việc, đảm bảo các công việc hoàn thành theo trình tự và chất lượng.
- Cung cấp đầy đủ và kịp thời những vật tư cần thiết.
- Phân công cụ thể cán bộ phụ trách từng khâu công việc, trong quá trình thực hiện cần chú ý phát hiện những khâu mất cân đối, những việc quy định chưa sát để điều chỉnh và bổ sung kịp thời.
- Làm tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ kết và tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm cho quá trình xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất.

1.2.5. Tổ chức quá trình lao động

- Khái niệm: quá trình lao động là quá trình mà con người sử dụng tư liệu lao động để tác động lên đối tượng lao động nhằm thực hiện một công việc nào đó hay một khâu kỹ thuật nào đó.
- Quá trình lao động bao gồm các khâu công việc: làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch

1.2.5. Tổ chức quá trình lao động ngành trồng trọt

Yêu cầu tổ chức lao động ngành trồng trọt:

- Phải nâng cao trình độ thành thạo cho người lao động trong các khâu canh tác; công việc tiến hành phải đảm bảo số lượng và chất lượng.
- Tăng nhanh năng suất lao động trong ngành trồng trọt để chuyển lao động sang phát triển các ngành khác, tạo sự phân công lao động mới phù hợp.
- Đảm bảo an toàn lao động cho người, cho cây trồng và sử dụng tư liệu sản xuất hợp lý.

1.2.5. Tổ chức quá trình lao động ngành trồng trọt

Nguyên tắc tổ chức quá trình lao động ngành trồng trọt:

- Nguyên tắc cân đối: từng công việc cụ thể, ở từng địa điểm cụ thể đều được nghiên cứu, sắp xếp một cách cân đối giữa các công việc với công việc; giữa lao động với tư liệu sản xuất; giữa các loại máy móc và công cụ với nhau.
- Nguyên tắc ăn khớp, nhịp nhàng: đảm bảo mỗi công việc trong quá trình lao động phải được hoàn thành đúng quy cách và đúng thời gian quy định.
- Nguyên tắc liên tục (SX theo dây chuyền): mọi công việc phải được tiến hành thường xuyên, hạn chế thời gian ngừng việc đến mức thấp nhất.

1.3. Đánh giá hiệu quả KD ngành trồng trọt trong DNNN

- Giá trị sản lượng, giá trị sản lượng hàng hoá tính trên từng cây trồng, toàn ngành trồng trọt và tính trên đơn vị diện tích.
- Chi phí sản xuất/SP
- Năng suất lao động của từng loại cây, của toàn ngành.
- Lợi nhuận/SP, lợi nhuận/ha, lợi nhuận/1đ vốn đầu tư.
- Kết hợp các chỉ tiêu phân tích với các yếu tố liên quan như: điều kiện sản xuất, vị trí sản xuất kinh doanh; các chỉ tiêu cần phân tích qua nhiều năm và so sánh với các doanh nghiệp xung quanh có phương hướng và điều kiện sản xuất tương tự.

2. TỔ CHỨC SXKD NGÀNH CHĂN NUÔI

- 2.1. Vai trò, đặc điểm, yêu cầu tổ chức sản xuất của ngành chăn nuôi.
- 2.2 Tổ chức hệ thống chăn nuôi hợp lý trong doanh nghiệp nông nghiệp
- 2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất chăn nuôi trong doanh nghiệp nông nghiệp

2.1. Vai trò, đặc điểm, yêu cầu tổ chức sản xuất của ngành chăn nuôi

2.1.1. Vai trò

- Cung cấp các sản phẩm chăn nuôi cho nhu cầu trong nước và góp phần xuất khẩu
- Cung cấp phân bón, sức kéo để thâm canh trồng trọt;
- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp: dệt, chế biến, tiểu thủ công nghiệp.

2.1. Vai trò, đặc điểm, yêu cầu tổ chức sản xuất của ngành chăn nuôi

2.1.2. Đặc điểm của ngành chăn nuôi

- Đối tượng sản xuất của ngành chăn nuôi là những cơ thể sống có hệ thần kinh.
- Vật nuôi rất mẫn cảm với môi trường và có hoạt động tâm lý của động vật cấp cao.
- Sức sản xuất của vật nuôi phụ thuộc trực tiếp vào đặc tính sinh học, mức độ thoả mãn các nhu cầu dinh dưỡng, về chăm sóc, về các điều kiện sống khác từ bên ngoài.

2.1. Vai trò, đặc điểm, yêu cầu tổ chức sản xuất của ngành chăn nuôi

2.1.3. *Yêu cầu tổ chức sản xuất chăn nuôi*

- Nắm vững quy luật sinh học và đặc điểm phát sinh, phát triển của từng loại vật nuôi
- Chăm sóc, nuôi dưỡng tốt
- Tạo môi trường thuận lợi và thoả mãn đầy đủ các yêu cầu về điều kiện sống của từng loại vật nuôi.

2.2. Tổ chức hệ thống chăn nuôi hợp lý trong doanh nghiệp nông nghiệp

Khái niệm hệ thống chăn nuôi hợp lý:

- Hệ thống chăn nuôi hợp lý là tổng thể các biện pháp kinh tế, tổ chức, kỹ thuật chăn nuôi phù hợp với quy luật sinh học và đặc điểm phát sinh, phát triển từng loại, từng giống vật nuôi nhằm thu được nhiều sản phẩm chăn nuôi có chất lượng cao với chi phí thấp nhất trên 1 đơn vị sản phẩm.

2.2.1. Tổ chức cơ cấu đàn vật nuôi hợp lý

- Cơ cấu đàn vật nuôi: là tỷ lệ các nhóm vật nuôi trong đàn so với tổng số vật nuôi của đàn.
 - Cơ cấu thực tế đàn vật nuôi: là tỷ lệ thực các nhóm vật nuôi trong đàn tại một thời điểm nhất định.
 - Cơ cấu tổ chức đàn vật nuôi: là tỷ lệ hợp lý của các nhóm vật nuôi trong đàn được xác định phù hợp với phương hướng, mục đích, quy mô chăn nuôi của doanh nghiệp vào thời điểm phương hướng chăn nuôi ổn định, quy mô chăn nuôi hợp lý.

2.2.1. Tổ chức cơ cấu đàn vật nuôi hợp lý

Những nhân tố ảnh hưởng tới cơ cấu đàn vật nuôi:

- Các nhân tố kinh tế - tổ chức:
 - Phương hướng chăn nuôi của doanh nghiệp
 - Nhu cầu của thị trường về sản phẩm chăn nuôi và kế hoạch hàng năm và dài hạn của doanh nghiệp.
 - Trình độ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ở doanh nghiệp
 - Cơ sở vật chất kỹ thuật và các điều kiện chăn nuôi của doanh nghiệp
- Các nhân tố về đặc điểm sinh trưởng và sức sản xuất của vật nuôi: tuổi con cái cho phối lần đầu, thời gian sử dụng vật nuôi và tỷ lệ loại thải (với cái sinh sản và đực giống); Tuổi vật nuôi đem bán, Số lứa đẻ, số con đẻ và số con đẻ bình quân 1 năm của 1 con cái

2.2.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi

- Khái niệm:
Chu chuyển đàn vật nuôi là sự di chuyển hay thay đổi thành phần các nhóm vật nuôi (cái, đực, lớn, nhỏ) của đàn trong một thời gian nhất định.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi trong doanh nghiệp nông nghiệp thường chỉ áp dụng trong chăn nuôi gia súc.

2.2.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi

Căn cứ xây dựng kế hoạch chu chuyển đàn gia súc

- Điều kiện tự nhiên của tái sản xuất đàn gia súc:
 - Thời gian có chữa của từng loại gia súc.
 - Thời gian động đực sau khi đẻ và chu kỳ động đực của con cái sinh sản.
 - Số con đẻ ra trong một lứa và số lứa đẻ trong một năm của con cái sinh sản.
- Điều kiện tổ chức kinh tế gồm:
 - Thời gian phối giống và cho sinh đẻ thích hợp nhất.
 - Thời gian sử dụng có hiệu quả gia súc sinh sản và làm việc.
 - Thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc hiệu quả nhất.
 - Thời gian tiêu thụ sản phẩm có lợi nhất.

2.2.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi

- Các chỉ tiêu kế hoạch chăn nuôi có liên quan trực tiếp tới chu chuyển đàn gia súc:
 - Số lượng gia súc các nhóm đầu kỳ kế hoạch.
 - Số lượng và thời gian mua thêm gia súc theo kế hoạch.
 - Số lượng và thời gian bán ra theo kế hoạch.
 - Số lượng và thời gian loại thải gia súc.
 - Quy mô và cơ cấu đàn gia súc cuối kỳ kế hoạch

2.2.2. Xây dựng và thực hiện kế hoạch chu chuyển đàn vật nuôi

Nội dung và hình thức bảng chu chuyển đàn gia súc

- Bảng chu chuyển gồm các chỉ tiêu được xác định theo từng nhóm gia súc, bao gồm:
- Gia súc đầu kỳ
- Số gia súc tăng lên trong kỳ
- Số gia súc giảm trong kỳ gồm
- Số gia súc cuối kỳ

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

Yêu cầu tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi:

- Đủ số lượng thức ăn cho các loại vật nuôi
- Chất lượng thức ăn phù hợp với yêu cầu dinh dưỡng của các vật nuôi trong từng thời kỳ.

Nội dung cơ bản của tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Xác định nhu cầu thức ăn chăn nuôi của DN
- Xác định tiêu chuẩn và khẩu phần thức ăn của từng nhóm vật nuôi
- Tính toán số ngày chăn nuôi trong tháng
- Tính nhu cầu thức ăn theo tháng, kỳ
- Cân đối nhu cầu và khả năng cung cấp để tổ chức sản xuất, chế biến hoặc mua ngoài

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

Nội dung cơ bản của tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi:

- Xác định nhu cầu thức ăn chăn nuôi của DN
 - Xác định nhu cầu thức ăn từng tháng của mỗi nhóm vật nuôi.
 - Xác định số vật nuôi bình quân của từng nhóm trong tháng.

$$X_i = \frac{A_i + A_{i+1}}{2}$$

Trong đó:

X_i : Số vật nuôi bình quân của nhóm ở tháng i

A_i : Số vật nuôi của nhóm ở đầu tháng i

A_{i+1} : Số vật nuôi của nhóm ở đầu tháng A_{i+1} , hoặc có thể được thay bằng số vật nuôi ở cuối tháng i .

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Xác định tiêu chuẩn và khẩu phần thức ăn của từng nhóm vật nuôi
 - Tiêu chuẩn thức ăn: là số đơn vị thức ăn và đậm tiêu hoá tương ứng với yêu cầu của một vật nuôi ở mỗi nhóm vật nuôi trong một ngày đêm hoặc từng thời kỳ chăn nuôi.
 - Khẩu phần thức ăn: là nhu cầu của vật nuôi ở mỗi nhóm đối với từng loại thức ăn phù hợp với tiêu chuẩn thức ăn quy định trong một ngày đêm hay từng thời kỳ chăn nuôi.

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Tính số ngày chăn nuôi của từng nhóm vật nuôi trong tháng theo công thức:

$$N_i = X \cdot T$$

Trong đó:

N_i : Số ngày chăn nuôi của nhóm ở tháng thứ i

X : Số vật nuôi bình quân của nhóm

T : thời gian chăn nuôi của nhóm trong tháng, thường tính là 30 ngày.

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Tính nhu cầu thức ăn từng nhóm vật nuôi trong tháng:
Nhu cầu thức ăn theo tiêu chuẩn thức ăn:

$$MTC_i = TC \cdot N_i$$

– Trong đó:

MTC_i : Nhu cầu thức ăn của nhóm tính theo tiêu chuẩn thức ăn ở tháng i , gồm hai chỉ tiêu cụ thể: số lượng đơn vị thức ăn và khối lượng đậm tiêu hoá cần đảm bảo cho nhóm vật nuôi trong tháng i .

N_i : Số ngày chăn nuôi của nhóm ở tháng i

TC : Tiêu chuẩn thức ăn của một vật nuôi trong nhóm (1 ngày đêm), gồm số đơn vị thức ăn và lượng đậm tiêu hao mà một vật nuôi cần được đảm bảo trong một ngày đêm.

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Tính nhu cầu thức ăn cho từng nhóm vật nuôi trong tháng:

Nhu cầu tính theo khẩu phần thức ăn

$$MK_i = K \cdot N_i$$

- Trong đó:
- MK_i : Nhu cầu thức ăn của nhóm theo khẩu phần ở tháng i ;
- K : Khẩu phần thức ăn của một vật nuôi trong nhóm (1 ngày đêm), gồm lượng thức ăn từng loại cụ thể cần đảm bảo cho một vật nuôi cho 1 ngày đêm. MK_i : gồm những chỉ tiêu phản ánh khối lượng từng loại thức ăn cụ thể cần đảm bảo cho nhóm vật nuôi trong tháng i .

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Xác định nhu cầu thức ăn của kỳ chăn nuôi của mỗi nhóm vật nuôi được thực hiện bằng cách tổng hợp nhu cầu của các nhóm vật nuôi ở các tháng trong kỳ chăn nuôi.
- Xác định khả năng cung cấp thức ăn cho chăn nuôi
 - Xác định các nguồn thức ăn và khả năng khai thác từng nguồn với yêu cầu hiệu quả nhất định.
 - Khả năng cung cấp thức ăn cho chăn nuôi được xác định vừa theo tiêu chuẩn, vừa theo khẩu phần.

2.2.3. Tổ chức cơ sở thức ăn chăn nuôi

- Cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung cấp thức ăn: Cần cân đối cả năm, cả kỳ chăn nuôi và từng tháng, quý để chủ động cung cấp thức ăn cho vật nuôi một cách kịp thời, vừa theo tiêu chuẩn vừa theo khẩu phần.

- Tổ chức sản xuất, chế biến và mua ngoài thức ăn cho chăn nuôi:

Căn cứ vào bảng cân đối và các biện pháp cân đối thức ăn giữa nhu cầu và khả năng cung cấp thức ăn chăn nuôi, doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch cụ thể về sản xuất, chế biến, mua ngoài thức ăn chăn nuôi cho cả kỳ chăn nuôi và từng tháng, đồng thời tổ chức thực hiện tốt kế hoạch trên.

2.2.4. Tổ chức khâu giống vật nuôi

2.2.4. Tổ chức khâu giống vật nuôi

- Trong doanh nghiệp tự sản xuất giống, doanh nghiệp cần tổ chức các khâu công việc sau:

2.2.4. Tổ chức giống vật nuôi

- Biện pháp giữ và nâng cao chất lượng giống vật nuôi:
 - Thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi sinh sản.
 - Tổ chức bình tuyển giống vật nuôi theo định kỳ để bổ sung và loại thải phù hợp.
 - Tổ chức phối giống, cho sinh sản và nuôi dưỡng gia súc con: xây dựng kế hoạch phối giống, sinh đẻ của vật nuôi sinh sản, chuẩn bị đủ các điều kiện cho vật nuôi đẻ và nuôi dưỡng gia súc con

2.2.4. Tổ chức khâu giống vật nuôi

- Căn cứ xây dựng kế hoạch phối giống và sinh sản:
 - Nhu cầu về con giống cho sản xuất chăn nuôi của doanh nghiệp và con giống hàng hoá.
 - Quy mô và cơ cấu đàn vật nuôi sinh sản của doanh nghiệp.
 - Thời gian phối giống và sinh đẻ hiệu quả nhất của con cái sinh sản trong kỳ chăn nuôi.
 - Thời gian và số vật nuôi đã cho phối giống kỳ trước.
 - Số lứa đẻ một năm và số con mỗi lứa, tỷ lệ nuôi sống.
 - Thời gian và số vật nuôi sinh sản loại thải trong kỳ chăn nuôi.

2.2.5. Tổ chức xây dựng chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

Yêu cầu xây dựng chuồng trại và thiết bị chăn nuôi:

- Chuồng trại phải phù hợp với phương hướng và mục đích chăn nuôi, đảm bảo điều kiện sống cho vật nuôi, thuận tiện cho tổ chức các quá trình lao động, tận thu nguồn phân hữu cơ. Giá thành xây dựng hợp lý, chất lượng công trình đảm bảo.
- Thiết bị chăn nuôi thích hợp với hoạt động sản xuất và bố trí, sử dụng một cách hợp lý.
- Quy mô chuồng trại phù hợp với quy mô và cơ cấu đàn vật nuôi

2.2.5. Tổ chức xây dựng chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

- Quy hoạch hợp lý nội bộ khu chuồng trại gồm:
 - Bố trí chuồng trại hợp lý, chọn hướng thích hợp với yêu cầu kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường.
 - Bố trí hợp lý các công trình phục vụ sản xuất tạo thuận lợi cho tổ chức, quản lý sản xuất.
 - Lựa chọn kiểu chuồng trại thích hợp với phương hướng, mục đích chăn nuôi với yêu cầu kỹ thuật, tổ chức sản xuất chăn nuôi và khả năng của doanh nghiệp.

2.2.6. Tổ chức phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi

Yêu cầu trong phòng trừ dịch bệnh:

- Quy định về vệ sinh chuồng trại, nguồn nước, thức ăn.
- Quy định về kiểm tra, theo dõi để phát hiện bệnh dịch
- Quy định về bảo quản, sử dụng các thiết bị, vật tư thú y.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ tiêm phòng và tẩy giun sán cho vật nuôi
- Trang bị đủ và sử dụng các thiết bị và vật tư thú y để phát hiện kịp thời và dập tắt nhanh chóng bệnh dịch
- Thiết lập quan hệ chặt chẽ và thường xuyên với các tổ chức thú y trong vùng để có được các thông tin về dịch bệnh kịp thời.

2.2.7. Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất chăn nuôi

- Khái niệm: Quy trình sản xuất chăn nuôi là toàn bộ các công việc từ đầu đến cuối của một quá trình sản xuất chăn nuôi, thực hiện theo trình tự thời gian, với tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật cụ thể nhằm đạt được số lượng và chất lượng sản phẩm chăn nuôi, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.
- Quy trình sản xuất chăn nuôi được xây dựng cho từng loại, từng nhóm vật nuôi. Việc xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất chăn nuôi thể hiện phương pháp tổ chức sản xuất có cơ sở khoa học.

2.2.7. *Xây dựng và thực hiện quy trình sản xuất chăn nuôi*

- Căn cứ, nội dung, phương pháp và trình tự xây dựng quy trình sản xuất chăn nuôi cũng tương tự như xây dựng quy trình sản xuất trồng trọt.
- Quy trình sản xuất chăn nuôi thường chi tiết hơn quy trình sản xuất trồng trọt.
- Việc thực hiện quy trình sản xuất chăn nuôi đòi hỏi phải chặt chẽ vì vật nuôi có hệ thần kinh cao cấp, mẫn cảm với chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc...

2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất chăn nuôi trong doanh nghiệp nông nghiệp

- Giá trị sản phẩm chăn nuôi tính trên một đơn vị diện tích dành cho chăn nuôi.
- Giá trị sản phẩm chăn nuôi tính cho 1 lao động, 1 ngày công, 1 đồng chi phí chăn nuôi.
- Lợi nhuận chăn nuôi tính cho 1 lao động, 1 ngày công, 1 đồng chi phí chăn nuôi.

Đối với ngành chăn nuôi cụ thể khi đánh giá hiệu quả kinh tế cần căn cứ vào các chỉ tiêu:

- Năng suất vật nuôi
- Giá thành sản phẩm chăn nuôi

2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất chăn nuôi trong doanh nghiệp nông nghiệp

- Chú ý khi sử dụng các chỉ tiêu:
 - Sử dụng số liệu nhiều năm để thấy rõ xu hướng biến động
 - Xem xét các chỉ tiêu kết hợp với phân tích điều kiện cụ thể của doanh nghiệp và các tác động từ bên ngoài.
 - Liên hệ so sánh với các doanh nghiệp khác có phương hướng, mục đích chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi tương tự

3. Tổ chức SXKD ngành nghề và dịch vụ trong DNNN

- 3.1. Vai trò, đặc điểm của kinh doanh ngành nghề và dịch vụ
- 3.2. Nội dung tổ chức kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DNNN
- 3.3. Đánh giá kết quả và hiệu quả kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DNNN

3.1. Vai trò, đặc điểm của kinh doanh ngành nghề và dịch vụ

3.1.1. Vai trò

- Giúp doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tổng hợp, kết hợp giữa sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm.
- Phục vụ sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, kiến thiết cơ bản và đời sống cho người lao động
- Tạo ra việc làm, góp phần thay đổi cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế ở nông thôn.
- Sử dụng đầy đủ các sản phẩm nông nghiệp, các nguyên liệu ở địa phương, tận dụng mọi điều kiện và tiềm năng của doanh nghiệp để phát triển kinh tế.

3.1. Vai trò, đặc điểm của kinh doanh ngành nghề và dịch vụ

3.1.2. Đặc điểm của sản xuất kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DNNN

- Quá trình sản xuất kinh doanh ngành nghề và dịch vụ có quan hệ mật thiết với nông nghiệp, vừa mang tính độc lập, vừa phải phụ thuộc vào nông nghiệp.
- Sản xuất kinh doanh ngành nghề và dịch vụ có sự đan xen giữa các thành phần kinh tế, có nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Trong dây chuyền sản xuất ngành nghề và dịch vụ có sự liên kết giữa các loại hình lao động và quy trình công nghệ.
- Làm tăng cơ cấu chủng loại sản phẩm của DN

3.2. Nội dung tổ chức kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DNNN

3.2.1. Đối với ngành nghề

Xét theo hướng kinh doanh có thể phân loại các ngành nghề sau:

- Các ngành nghề phục vụ sản xuất.
- Các ngành nghề phục vụ chế biến nông sản phẩm.
- Các ngành nghề khai thác nguyên vật liệu ở địa phương.
- Các ngành nghề phục vụ xây dựng cơ bản ở nông thôn.
- Các ngành nghề thủ công truyền thống

3.2. Nội dung tổ chức kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DNNN

Các căn cứ xác định hướng SXKD ngành nghề:

- Nhu cầu của thị trường
- Vốn và khả năng kỹ thuật.
- Nguồn nguyên vật liệu
- Ngoài ra cần xem xét các ngành nghề truyền thống, các điều kiện phục vụ sản xuất, các cơ sở hạ tầng như đường giao thông, điện, nước.
- Một số biện pháp tổ chức phát triển ngành nghề trong doanh nghiệp nông nghiệp.

3.2. Nội dung tổ chức kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DN NN

- Xác định hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh
 - Xác định các hình thức sản xuất kinh doanh ngành nghề.
 - Hình thức tổ chức chuyên doanh
 - Hình thức tổ chức kiêm doanh.
 - Xác định phương hướng sản xuất, mục tiêu, quy mô sản xuất ngành nghề,
 - Tổ chức tốt công tác cung ứng vật tư kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm
 - Cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.

3.2.2. Nội dung tổ chức kinh doanh dịch vụ

3.2.2. Nội dung tổ chức kinh doanh dịch vụ

- Công tác dịch vụ trong doanh nghiệp nông nghiệp bao gồm các dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, nhu cầu đời sống và cho kiến thiết cơ bản.

Yêu cầu của công tác dịch vụ

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại vật tư cho sản xuất, đời sống trong doanh nghiệp.

3.2.2. Nội dung tổ chức kinh doanh dịch vụ

- Biện pháp cần thực hiện để tổ chức tốt KD dịch vụ:
 - Xác định các tổ chức kinh doanh ngành dịch vụ.
 - Có chính sách hợp lý để khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức dịch vụ phát triển như chính sách cho vay vốn, chính sách thuế hợp lý...
 - Hướng dẫn mọi tổ chức kinh doanh dịch vụ, phải kinh doanh đúng pháp luật của Nhà nước, chống trốn, lậu thuế, chống làm nhái, làm hàng giả.
 - Các ngành dịch vụ do doanh nghiệp quản lý cần tổ chức giao khoán hợp lý hoặc có thể cho đấu thầu để nâng cao tinh thần trách nhiệm và quản lý có hiệu quả hơn.

3. Đánh giá kết quả và hiệu quả kinh doanh ngành nghề và dịch vụ trong DNNN.

Các chỉ tiêu đánh giá kết quả sản xuất của từng ngành.

- Tổng sản phẩm các ngành thủ công, tiểu thủ công sản xuất ra trong năm.
- Giá trị tổng sản phẩm sản xuất ra của từng ngành.
- Doanh số bán hàng của các tổ chức dịch vụ.

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế

- Giá trị tổng sản lượng hay giá trị sản phẩm hàng hoá tính trên một lao động, một đồng vốn hay một đồng chi phí của ngành nghề và dịch vụ.
- Năng suất lao động bình quân của một người lao động ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.